

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG
(hệ tốt nghiệp THPT)

Ngành: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
(Mã ngành: 6340202)

NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 316/QĐ - KTKT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Mã ngành: 6340202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo chuyên viên thực hành trình độ cao đẳng ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế và Tài chính - Ngân hàng; thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về thực hành các nghiệp vụ về Tài chính - Ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng được trang bị những kiến thức sau đây:

- Những kiến thức chung về kinh tế- xã hội, pháp luật, các kiến thức tổng quát về kinh tế vi mô; kiến thức cơ bản về Tài chính- Ngân hàng, kế toán.

- Kiến thức tin học, ngoại ngữ;

- Kiến thức về hoạt động của Ngân hàng thương mại như: hoạt động tín dụng, kế toán ngân hàng, thanh toán trong nước và quốc tế, quản trị ngân hàng; kiến thức về thị trường tài chính trong nước và ngoài nước; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thuế, bảo hiểm.

1.2.2. Kỹ năng:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có các kỹ năng sau đây:

- Tự tìm hiểu và chủ động tuân thủ các quy định luật pháp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng;

- Thực hiện nghiệp vụ giao dịch, tín dụng, kế toán, quản trị rủi ro tại các Ngân hàng thương mại;
- Phân tích đầu tư chứng khoán; quản lý tài chính, khai báo thuế tại các doanh nghiệp;
- Quản lý thu thuế, quản lý thu chi Ngân sách nhà nước;
- Biết sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn, đáp ứng đòi hỏi của các ngân hàng, doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;
- Sử dụng thành thạo máy tính, công nghệ thông tin và truyền thông;
- Tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tạo lập doanh nghiệp cho bản thân;
- Có kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác với các đồng nghiệp; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng giao tiếp và ứng xử;
- Có tác phong công nghiệp đáp ứng được yêu cầu của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp;
- Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chương trình đào tạo hướng đến việc giáo dục cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ làm việc đúng mực, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; làm việc có trách nhiệm, quan tâm đến lợi ích cộng đồng (trong đó có lợi ích chính đáng của cá nhân).

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng có thể làm công việc tại các đơn vị sau:

- Nhân viên giao dịch, tín dụng, kế toán, thanh toán... tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Nhân viên tài chính – kế toán, bán hàng tại các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Nhân viên quản lý thuế tại Cơ quan thuế,
- Nhân viên tài chính – kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Nhân viên tại các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ
(không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.440 giờ (60 TC)

- Khối lượng lý thuyết: 723 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.152 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

| Mã MH | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-------------|---------------------------------|------------|-------------------------|------------|---|--------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Thi/kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 20 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| CMC110 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| CMC204 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| CMC202 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 05 | 51 | 4 |
| CMC111 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| CMC103 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| CMC210 | Tiếng Anh | 5 | 120 | 42 | 72 | 6 |
| CXH101 | Công tác xã hội | 1 | 45 | 0 | 45 | 0 |
| II | Các môn học chuyên môn | 60 | 1.440 | 495 | 897 | 48 |
| II.1 | Môn học cơ sở | 17 | 285 | 208 | 60 | 17 |
| CKD101 | Kinh tế vi mô | 3 | 60 | 27 | 30 | 3 |
| CNH202 | Tài chính – tiền tệ - Ngân hàng | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| CKT201 | Nguyên lý kế toán | 3 | 60 | 27 | 30 | 3 |
| CNH302 | Tài chính quốc tế | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| CNH303 | Thị trường tài chính | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| CNH201 | Bảo hiểm | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| II.2 | Môn học chuyên môn | 34 | 870 | 231 | 612 | 27 |
| CNH305 | Thuế | 3 | 60 | 27 | 30 | 3 |
| CNH307 | Tài chính doanh nghiệp | 2 | 45 | 13 | 30 | 2 |
| CNH404 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 4 | 90 | 26 | 60 | 4 |
| CNH402 | Kế toán ngân hàng thương mại | 3 | 75 | 12 | 60 | 3 |
| CNH403 | Marketing ngân hàng | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |

| | | | | | | |
|------------------|-------------------------------|-----------|--------------|------------|--------------|-----------|
| CNH405 | Quản lý tài chính nhà nước | 3 | 60 | 27 | 30 | 3 |
| CNH401 | Đầu tư tài chính | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| CNH501 | Quản trị ngân hàng thương mại | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| CNH308 | Tin học tài chính | 1 | 30 | 0 | 29 | 1 |
| CNH503 | Thực hành chuyên ngành TCNH | 2 | 60 | 0 | 58 | 2 |
| CNH507 | Thực tập doanh nghiệp 1 | 4 | 180 | 0 | 180 | 0 |
| CNH601 | Thực tập doanh nghiệp 2 | 3 | 135 | 0 | 135 | 0 |
| II.3 | Môn học tự chọn | 4 | 60 | 56 | 0 | 4 |
| CTM101 | Nguyên lý thống kê | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| CKT304 | Soạn thảo văn bản | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| CNH301 | Ngân hàng trung ương | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| CNH309 | Thẩm định dự án đầu tư | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| II.4 | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 225 | 0 | 225 | 0 |
| Tổng cộng | | 80 | 1.875 | 652 | 1.152 | 71 |

Cần Thơ, ngày tháng năm 202...

HIỆU TRƯỞNG